

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NL  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2021/HS-ST  
Ngày 28 - 7 - 2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Tân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Ngọc

Ông Bùi Trung Thành

*- Thư ký phiên toà:* Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:* Ông Bùi Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Mai Văn T; sinh ngày 16 tháng 5 năm 1994; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn TS, xã MT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Văn B (Chết); con bà: Lê Thị O; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 19/3/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/3/2021 đến nay. Có mặt.

2. Đoàn Văn C; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1975; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn TT, xã Lam Sơn, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn Thuận (Chết); con bà: Lê Thị Đệ; có vợ là Trịnh Thị Thu và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 19/3/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/3/2021 đến nay. Có mặt.

3. Bùi Văn M; sinh ngày 08 tháng 3 năm 1995; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn TS, xã MT, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Chưởng (Chết); con bà: Lê Thị Chung; có vợ là Phạm Thị Chung và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 19/3/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/3/2021 đến nay. Có mặt.

4. Nguyễn Huy **Đ**; sinh ngày 20 tháng 6 năm 1993; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn **TS**, xã **MT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Huy Hợp; con bà: Lê Thị Lý; có vợ là Mai Thị Trang và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 19/3/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/3/2021 đến nay. Có mặt.

5. Kim Thị **TH**; sinh ngày 02 tháng 8 năm 1973; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn **TS**, xã **MT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Kim Ngọc **C**; con bà: Đặng Thị Lâm (Chết); có chồng là Nguyễn Bá Hoá và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 19/3/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/3/2021 đến nay. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người làm chứng:* Ông Trương **TT**; sinh năm: 1968; nơi cư trú: Thôn **TS**, xã **MT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 16/3/2021 Mai Văn **T**, sinh năm 1994 trú tại thôn **TS**, xã **MT**, huyện **NL**; Đoàn Văn **C**, sinh năm 1975, trú tại thôn **TT**, xã Lam Sơn, huyện **NL**; Bùi Văn **M**, sinh năm 1995 và Nguyễn Huy **Đ**, sinh năm 1993 đều trú tại thôn **TS**, xã **MT**, huyện **NL** cùng đi đám cưới tại thôn **TS**, xã **MT**, huyện **NL**. Sau đó cả 04 bị cáo rủ nhau đánh bạc ăn tiền. Sau khi đồng ý các bị cáo **T**, **C**, **M**, **Đ** đi bộ đến nhà ông Trương **TT**, sinh năm 1968, ở thôn **TS**, xã **MT**, huyện **NL** (nhà đối diện đám cưới) để cùng nhau đánh bạc. Tại nhà ông Thanh các bị cáo thấy trong gian bếp nhà ông Thanh có trái chiếu sẵn, bên ngoài có bộ bài tú lơ khơ 52 (Năm hai) cây, các bị cáo thống nhất với nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức ba cây “liêng không chào”, theo đó một người chia bài cho tất cả người chơi (cửa) ba cây bài, chia bài xong sẽ đặt cửa số tiền 10.000đ (Mười nghìn đồng), trong ván bài tùy từng người ai đánh thêm tiền và ai theo thì đánh nhưng chỉ đánh tối đa là 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng), sau đó sẽ mở bài so điểm ai cao điểm nhất thì ăn số tiền đặt cửa, cách tính điểm là cộng tổng ba cây bài (trong đó A là 1 điểm, các cây J, Q, K là 10 điểm) và lấy hàng đơn vị của tổng ba cây để so sánh, nếu có các cửa bằng điểm thì so chất theo thứ tự “rô, cơ, tép, bích”. Khi chơi Mai Văn **T** bỏ ra số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), Đoàn Văn **C** bỏ ra số tiền 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), Bùi Văn **M** bỏ ra số tiền 1.220.000đ (Một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), Nguyễn Huy **Đ** bỏ ra số tiền

3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo Kim Thị **TH**, sinh năm 1973, trú tại thôn **TS**, xã **MT**, huyện **NL** đến và xin tham gia chơi cùng tuy nhiên các bị cáo không đồng ý mở cửa mới nên **TH** đưa cho **Đ** 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để góp chung cửa với **Đ** tham gia đánh bạc. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày khi các bị cáo **T**, **C**, **M**, **Đ**, **TH** đang đánh bạc thì bị Lc lượng Công an huyện **NL** phối hợp với Công an xã **MT** bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) gồm nhiều mệnh giá khác nhau; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 cây.

Tại bản Kết luận giám định số 1087/PC09 ngày 17/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: 83 (Tám mươi ba) tờ tiền Polymer Việt nam gửi giám định nêu ở mục II.1 là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSND ngày 03 tháng 6 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố các bị cáo Mai Văn **T**, Nguyễn Huy **Đ**, Đoàn Văn **C**, Bùi Văn **M** và Kim Thị **TH** về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Mai Văn **T** từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Nguyễn Huy **Đ** từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Đoàn Văn **C** từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Bùi Văn **M** từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt Kim Thị **TH** từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ sẽ được quy đổi trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321, Điều 35 BLHS: Phạt tiền các bị cáo: Mai Văn **T**, Nguyễn Huy **Đ**, Đoàn Văn **C**, Bùi Văn **M** và Kim Thị **TH**, mỗi bị cáo từ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đến 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bộ bài tú lơ khơ 52 (Năm mươi hai) cây, đã qua sử dụng; tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Mai Văn **T** khai nhận: Khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 16/3/2021 bị cáo, **C, M, Đ** đi đám cưới tại thôn **TS**, xã **MT**, huyện **NL** thì rủ nhau đánh bạc ăn tiền. Sau khi đồng ý các bị cáo qua nhà đối diện đám cưới để cùng nhau đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc ăn tiền bằng hình thức ba cây “liêng không chào”, đặt cửa số tiền 10.000đ (Mười nghìn đồng), tối đa là 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng). Khi chơi bị cáo bỏ ra số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) để đánh bạc. Đến khoảng 01 giờ 30 phút, có **TH** đến và xin tham gia chơi cùng nhưng các bị cáo không đồng ý mở cửa mới nên **TH** đưa cho **Đ** 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để góp chung cửa với **Đ** tham gia đánh bạc. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị **Lc** lượng Công an huyện **NL** bắt quả tang.

Các bị cáo Nguyễn Huy **Đ**, Đoàn Văn **C**, Bùi Văn **M** và Kim Thị **TH** thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Người làm chứng ông Trương **TT** thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng đã truy tố các bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Vào khoảng hơn 02 giờ, ngày 16 tháng 3 năm 2021, các bị cáo Mai Văn **T**, Nguyễn Huy **Đ**, Đoàn Văn **C**, Bùi Văn **M** và Kim Thị **TH** đã cùng nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh ba cây “Liêng không chào” ăn tiền tại gian bếp nhà ông Trương **TT**, sinh năm 1968, ở thôn **TS**, xã **MT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá, với tổng số tiền đánh bạc được xác định là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 321 BLHS.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Trong đó các bị cáo Mai Văn **T**, Nguyễn Huy **Đ** tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, có số tiền đánh bạc lớn nhất trong các bị cáo nên có vai trò thứ nhất trong vụ án.

Các bị cáo Đoàn Văn **C**, Bùi Văn **M** tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, nhưng có số tiền đánh bạc ít hơn các bị cáo **T, Đ** nên có vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo Kim Thị **TH** góp tiền với bị cáo **Đ** để đánh bạc và tham gia sau nên có vai trò thấp nhất trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và đều có 02 tình tiết giảm nhẹ như sau: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với tình tiết bị cáo **T** là cháu của Liệt sĩ Mai Ngọc **L**: Liệt sĩ Mai Ngọc **L** là bác ruột của bị cáo **T**, tuy nhiên bị cáo **T** không thờ cúng Liệt sĩ **L** nên không được xem xét là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Các bị cáo **T**, **Đ**, **C** và **M** có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng, nghĩ cần áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **TH** có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng, nghĩ cần áp dụng Điều 36 BLHS để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo. Bị cáo có thu nhập, nghĩ cần khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày có thu nhập 2.000.000đ/tháng, nên số tiền khấu trừ hàng tháng của bị cáo là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo **TH** bị tạm giữ từ trước 03 ngày sẽ được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo **T**, **Đ**, **C**, **M** và **TH** có tài sản, nghĩ cần áp dụng khoản 3 Điều 321; Điều 35 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) là tiền dùng để phạm tội nghĩ cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước; 01 (Một) bộ bài tú lơ khơ 52 (năm mươi hai) cây, đã qua sử dụng là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với ông Trương **TT** là chủ nhà nơi các bị cáo đánh bạc: Quá trình các bị cáo đánh bạc gia đình ông Thanh không có ai ở nhà, đang phục vụ đám cưới, các bị cáo cũng không xin ý kiến của ông để đánh bạc tại nhà mình nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông Thanh.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện **NL**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện **NL**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Mai Văn **T**, Nguyễn Huy **Đ**, Đoàn Văn **C**, Bùi Văn **M** và Kim Thị **TH** phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với Mai Văn **T**, Nguyễn Huy **Đ**, Đoàn Văn **C** và Bùi Văn **M**:

Xử phạt Mai Văn **T** 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Huy **Đ** 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Đoàn Văn **C** 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Bùi Văn **M** 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Mai Văn **T**, Nguyễn Huy **Đ** và Bùi Văn **M** cho Ủy ban nhân dân xã **MT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đoàn Văn **C** cho Ủy ban nhân dân xã Lam Sơn, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Mai Văn **T**, Nguyễn Huy **Đ**, Đoàn Văn **C** và Bùi Văn **M** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS: Xử phạt Kim Thị **TH** 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ 09 (Chín) ngày do quy đổi từ 03 (Ba) ngày bị tạm giữ từ trước.

Khấu trừ 10% (Mười phần trăm) thu nhập của Kim Thị **TH** trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước. Khoản này bằng 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) mỗi tháng.

Giao bị cáo Kim Thị **TH** cho Ủy ban nhân dân xã **MT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321; Điều 35 BLHS: Phạt tiền Mai Văn **T**, Nguyễn Huy **Đ**, Đoàn Văn **C**, Bùi Văn **M** và Kim Thị **TH**, mỗi bị cáo

10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), số tiền này đang được gửi tại Kho bạc nhà nước huyện **NL** theo Ủy nhiệm chi ngày 04/6/2021 của Công an huyện **NL**.

Tịch thu tiêu huỷ 01 (Một) bộ bài tú lơ khơ 52 (Năm mươi hai) cây, đã qua sử dụng, theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/6/2021 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện **NL**.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: các bị cáo Mai Văn **T**, Nguyễn Huy **Đ**, Đoàn Văn **C**, Bùi Văn **M** và Kim Thị **TH**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- CQĐT CA huyện **NL**;
- CQTHAHS CA huyện **NL**;
- VKSND huyện **NL**;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Tân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Trung Thành**

**Lê Thị Ngọc**

**Nguyễn Thanh Tân**



